

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Đề án Đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể,
hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2021 - 2025,
định hướng đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019;

Căn cứ Luật Hợp tác xã năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 16-KH/TU ngày 08/02/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chương trình số 02-CTr/TU ngày 22/01/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 3190/SKHĐT-ĐKKD ngày 09/11/2021 và ý kiến các Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này, Đề án Đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư triển khai thực hiện Quyết định này; định kỳ hàng năm sơ kết kết quả thực hiện Đề án, trên cơ sở đó, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, đơn vị triển khai thực hiện các nhiệm vụ cụ thể.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh (theo dõi);
- Lưu VT, KT (D16, 1b), Ktr772/12.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



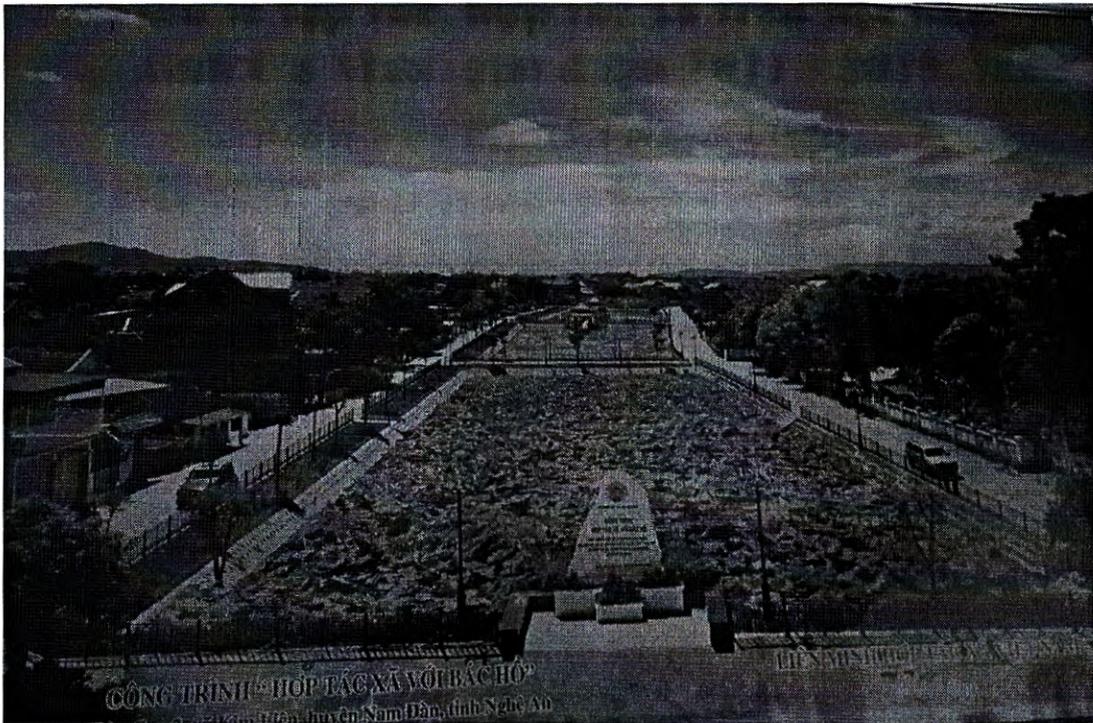
Lê Văn Sử

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU



ĐỀ ÁN

**Đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả
kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn
tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2021 - 2025,
định hướng đến năm 2030**



Cà Mau, tháng 12 năm 2021



MỤC LỤC

Phần I.....	6
SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỀ ÁN	6
I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN	6
II. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN.....	7
1. Văn bản của Trung ương.....	7
2. Văn bản của địa phương.....	8
Phần II	9
THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ TỈNH CÀ MAU.....	9
I. TÌNH HÌNH CHUNG.....	9
1. Về tổ hợp tác	9
2. Về hợp tác xã.....	9
3. Về Liên hiệp hợp tác xã	10
II. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KTTT THEO NGÀNH, LĨNH VỰC	11
1. Lĩnh vực nông nghiệp	11
2. Lĩnh vực phi nông nghiệp	11
3. Quỹ tín dụng nhân dân	12
III. CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ, ƯU ĐÃI	12
1. Giai đoạn 2011 - 2012.....	12
2. Giai đoạn 2013 - 2020.....	12
IV. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ.....	16
1. Những kết quả đạt được của KTTT, HTX góp phần phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới ở địa phương	16
2. Tồn tại, hạn chế	16
3. Nguyên nhân	17
Phần III.....	17
QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP	17
I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO	17
II. MỤC TIÊU ĐỀ ÁN.....	18
1. Mục tiêu chung.....	18
2. Mục tiêu cụ thể.....	18
2.1. Giai đoạn 2021 - 2025.....	18

2.2. Giai đoạn 2026 - 2030.....	19
III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM	19
1. Nhiệm vụ trọng tâm.....	19
1.1. Đối với HTX nông nghiệp	19
1.2. Đối với HTX phi nông nghiệp	20
2. Giải pháp thực hiện	20
2.1. Tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp Ủy đảng, chỉ đạo của chính quyền và sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền Luật Hợp tác xã năm 2012 và các văn bản có liên quan	20
2.2. Củng cố tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã.....	21
2.3. Đổi mới phương thức sản xuất, kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh, hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể, hợp tác xã.....	21
2.4. Về cơ chế, chính sách.....	22
2.4.1. Thành lập mới, củng cố tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã ...	22
2.4.2. Nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực kinh tế tập thể....	22
2.4.3. Xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu, tuyên truyền, hỗ trợ về kinh tế tập thể	24
2.4.4. Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường.....	25
2.4.5. Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm	25
2.4.6. Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp	26
2.5. Xây dựng mô hình HTX điển hình tiên tiến nhân ra diện rộng.....	27
2.6. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.....	27
3. Dự toán kinh phí thực hiện.....	27
3.1. Kinh phí thực hiện giai đoạn 2021 – 2025.....	27
3.2. Kinh phí thực hiện giai đoạn 2026 – 2030.....	27
3.3. Kinh phí thực hiện đề án từ các nguồn vốn	27
Phần IV	28
TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	28
I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA ĐỀ ÁN.....	28
II. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ	28



1. Sở Kế hoạch và Đầu tư (Thường trực Ban Chỉ đạo)	28
2. Liên minh Hợp tác xã tỉnh.....	28
3. Sở Tài chính	29
4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	29
5. Sở Công Thương	29
6. Sở Khoa học và Công nghệ.....	30
7. Sở Thông tin và Truyền thông	30
8. Sở Tài nguyên và Môi trường	30
9. Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng.....	30
10. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.....	31
11. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Cà Mau	31
12. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội.....	31
13. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	31



DANH MỤC PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Chỉ tiêu cơ bản phát triển KTTT giai đoạn 2011 - 2020

Phụ lục 2. Số lượng HTX, LH HTX, THT phân loại theo ngành nghề giai đoạn 2011 - 2020

Phụ lục 3. Tổng hợp chính sách hỗ trợ KTTT giai đoạn 2011 - 2020

Phụ lục 4. Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2021 - 2030

Phụ lục 5. Số lượng HTX, LH HTX, THT phân loại theo ngành nghề giai đoạn 2021 - 2030

Phụ lục 6. Bản dự trù kinh phí thực hiện Đề án

Phụ lục 7. Danh mục dự án

Phụ lục 8. Nhiệm vụ trọng tâm



DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BCĐ: Ban Chỉ đạo

KTTT: Kinh tế tập thể

HTX: Hợp tác xã

THT: Tổ hợp tác

LH HTX: Liên hiệp hợp tác xã

OCOP: Chương trình mỗi xã một sản phẩm

DVNN: Dịch vụ nông nghiệp

DVNNTS: Dịch vụ - Nông nghiệp - Thủy sản

TMXD: Thương mại - Xây dựng

SXCB: Sản xuất - Chế biến

VSMT: Vệ sinh môi trường

PTNT: Phát triển nông thôn

TDND: Tín dụng nhân dân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

**Đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, hợp tác xã
★ trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 - 2025,
định hướng đến năm 2030**

*(Kèm theo Quyết định số: 3026/QĐ-UBND ngày 30/12/2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Phần I

SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Thực hiện chủ trương, đường lối đổi mới của Đảng, những năm qua khu vực KTTT mà nòng cốt là HTX có nhiều thay đổi, đã tham gia hoạt động trong hầu hết các lĩnh vực và có những đóng góp quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Hiệu quả hoạt động của các mô hình THT, HTX ngày càng được nâng lên, có nhiều mô hình THT, HTX đa ngành nghề, làm tốt công tác phục vụ kinh tế thành viên, giảm chi phí sản xuất, tăng lợi nhuận cho THT, HTX và thành viên. Cùng với các thành phần kinh tế khác, sự phát triển của KTTT trên địa bàn tỉnh góp phần thúc đẩy sự phân công lao động xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh. Tuy nhiên, mặc dù được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước nhưng khu vực KTTT nói chung, HTX nói riêng trên địa bàn tỉnh chưa có những bước phát triển mang tính đột phá, bền vững do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan. Nhìn chung chất lượng hoạt động HTX chưa thoát khỏi tình trạng yếu kém, thiếu sự liên kết; trình độ quản lý điều hành, sản xuất kinh doanh, khả năng tiếp cận vốn, khoa học công nghệ còn hạn chế; việc lãnh đạo, chỉ đạo từ các cấp chính quyền chưa đáp ứng với yêu cầu của sự phát triển...

Việt Nam hiện đang hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, do vậy những hạn chế và yếu kém của HTX, LH HTX đang là những thách thức không nhỏ trong nâng cao năng lực cạnh tranh của HTX với các thành phần kinh tế khác trong nước và quốc tế.

Xuất phát từ thực trạng tình hình phát triển KTTT trên địa bàn tỉnh Cà Mau trong thời gian qua; nhằm góp phần nâng cao tỷ trọng đóng góp của lĩnh vực KTTT trong nền kinh tế, giải quyết việc làm cho người lao động nhất là khu vực nông nghiệp, nông thôn; đồng thời, để KTTT có điều kiện phát triển phù hợp với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; do vậy, việc ban hành Đề án Đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Đề án) là rất cần thiết và có ý nghĩa quan trọng trong tình hình hiện nay, tạo tiền đề cho KTTT, HTX phát triển cao trong giai đoạn tiếp theo.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Văn bản của Trung ương

- Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT;

- Luật Hợp tác xã năm 2012;

- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã; Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP;

- Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

- Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP;

- Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích danh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

- Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ về THT;

- Nghị quyết số 134/NQ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT;

- Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới hiệu quả tại địa phương trên cả nước giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021 - 2030;

- Quyết định số 1318/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021 – 2025;

- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn đăng ký hợp tác xã về chế độ báo cáo tình hình hoạt động của HTX; Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT;

- Thông tư số 24/2017/TT-BTC ngày 28/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán đối với HTX, LH HTX;

- Thông tư số 09/2017/TT-BNNPTNT ngày 17/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn phân loại và đánh giá HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp;

- Thông tư số 06/2019/TT-BNNPTNT ngày 19/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định hoạt động đặc thù, chế độ báo cáo của HTX nông nghiệp và trách nhiệm quản lý nhà nước các cấp đối với HTX nông nghiệp;

- Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn phân loại và đánh giá HTX.

2. Văn bản của địa phương

- Báo cáo số 461-BC/TU ngày 19/6/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả phát triển KTTT;

- Kế hoạch số 16-KH/TU ngày 08/02/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chương trình số 02-CTr/TU ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2025;

- Báo cáo số 138-BC/TU ngày 29/10/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cà Mau về tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả phát triển KTTT;

- Báo cáo số 47/BC-HĐND ngày 27/8/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả giám sát tình hình đổi mới, phát triển KTTT trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

- Báo cáo số 204/BC-UBND ngày 13/7/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về định hướng Chiến lược phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021 - 2030;

- Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 01/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển KTTT tỉnh Cà Mau năm 2021;

- Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 01/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển KTTT tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 - 2025;

- Chương trình hành động số 02/CTr-UBND ngày 10/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 134/NQ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị;

- Báo cáo số 296/BC-UBND ngày 02/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau tổng kết 10 năm thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012.

Phần II

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ TỈNH CÀ MAU

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Về tổ hợp tác

- Tính đến ngày 31/12/2020 toàn tỉnh có 1.091 THT; trong đó, có 1.060 THT lĩnh vực nông - lâm - ngư - diêm nghiệp; 31 THT công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

- Số thành viên THT 15.524 người (giảm 80% so với cuối năm 2011).

- Những hạn chế, khó khăn và những vấn đề mới phát sinh của THT:

+ Từ khi Nghị định số 77/2019/NĐ-CP thay thế Nghị định số 151/2007/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của THT, nhận thức về KTTT và trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền các cấp được nâng lên và có nhiều giải pháp, tạo điều kiện cho THT phát triển; sản xuất từng bước chuyển dịch và gắn với thị trường.

+ Việc chuyển biến về nhận thức của một bộ phận không nhỏ trực tiếp sản xuất theo kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn chậm, ngành nghề nông thôn phát triển chưa đa dạng phong phú, mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị còn nhiều khó khăn, đầu tư thiết bị, đổi mới công nghệ, khả năng hợp tác, cạnh tranh còn nhiều hạn chế.

+ Việc vận dụng các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước để đưa vào thực tiễn tạo điều kiện cho THT phát triển còn nhiều khó khăn; trình độ năng lực quản lý của một số THT còn hạn chế, thiếu tính chủ động.

+ Hoạt động của các THT đã đáp ứng tốt các dịch vụ cơ bản về sản xuất nông nghiệp cho thành viên, hướng dẫn sản xuất theo quy hoạch, sản xuất đúng lịch thời vụ hàng năm, giúp thành viên tăng thu nhập, ổn định cuộc sống. Nhiều THT xây dựng nội quy, chứng thực hợp đồng hợp tác theo quy định.

2. Về hợp tác xã

- Tính đến ngày 31/12/2020, toàn tỉnh có 228 HTX (tăng 4,9% so với cuối năm 2011); hoạt động trên 07 lĩnh vực cụ thể như sau: nông nghiệp - thủy sản 166, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp 08, xây dựng 10, thương mại 17, vận tải 20, môi trường 05, quỹ tín dụng nhân dân 02.

- Chuyển đổi HTX: tính đến tháng 9/2017 có 100% HTX trên địa bàn tỉnh thuộc diện phải chuyển đổi, đăng lý lại đã được chuyển đổi, đăng lý lại theo Luật Hợp tác xã năm 2012.

- Tổng số thành viên HTX 3.738 người (giảm 14,8% so cuối năm 2011). Số lao động làm việc thường xuyên khu vực HTX là 3.626 lao động (giảm 78,6% so với cuối năm 2011). Doanh thu bình quân 01 tỷ đồng/HTX/năm (tăng 66,7% so với cuối năm 2011). Lãi bình quân 300 triệu đồng/HTX/năm. Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong HTX 50 triệu đồng/người/năm.

- Tổng số cán bộ quản lý HTX hiện có 981 người; trong đó, trình độ cán bộ được đào tạo đại học, cao đẳng 68 người; trung cấp, sơ cấp 134 người.

- Những chuyển biến của HTX:

+ Giai đoạn 2011 - 2020, KTTT với nòng cốt là HTX đã có sự chuyển biến tích cực cả chất và lượng, đóng góp quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Với sự nỗ lực vào cuộc của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, Luật Hợp tác xã năm 2012 đã và đang tiếp tục được triển khai sâu rộng đến các địa phương và cộng đồng nhân dân hình thành, thúc đẩy phong trào HTX phát triển. Doanh thu bình quân của HTX và thu nhập của thành viên, người lao động được cải thiện, tác động tích cực đến kinh tế hộ.

+ Cùng với sự gia tăng về số lượng HTX, người dân còn tham gia HTX trên tinh thần tự nguyện, cùng góp vốn, cùng chịu trách nhiệm về hoạt động của HTX. Nhiều HTX có phạm vi hoạt động toàn xã, số lượng các HTX áp dụng khoa học công nghệ mới vào sản xuất, kinh doanh, tham gia vào sản xuất nông nghiệp công nghệ cao ngày càng nhiều; đặc biệt các HTX nông nghiệp đã hoạt động gắn với các sản phẩm chủ lực của địa phương (OCOP), thực hiện liên kết chuỗi, nhiều HTX liên kết với các doanh nghiệp lớn để mở rộng thị trường.

Những kết quả trên cho thấy, KTTT, HTX đang phục hồi và phát triển đúng hướng, phù hợp với chủ trương phát triển của nền kinh tế nhiều thành phần, vừa phát triển KTTT, HTX, vừa tôn trọng và nâng cao vị thế kinh tế hộ thành viên.

- Những hạn chế khó khăn:

+ Mặc dù có sự chuyển biến tích cực và đạt được nhiều kết quả bước đầu, nhưng sự phát triển của khu vực KTTT, HTX vẫn chưa tương xứng với tiềm năng; các cơ chế chính sách được ban hành nhưng chậm được thực hiện; sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương có lúc còn hạn chế; cơ sở vật chất, nguồn vốn và năng lực quản lý của các HTX còn yếu; hoạt động của các HTX còn thiếu gắn bó với nhau và với cộng đồng doanh nghiệp, chưa thật sự liên kết chặt chẽ theo mô hình chuỗi giá trị.

+ Nguyên nhân do hạn chế về cơ chế, chính sách khi chưa có chiến lược tổng thể phát triển khu vực KTTT, HTX. Trình độ lao động, quản lý còn yếu, ít vốn đầu tư vào công nghệ, chưa liên kết với các doanh nghiệp uy tín để tìm thị trường, bao tiêu sản phẩm... Bên cạnh đó, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ khiến các HTX khó cạnh tranh, phát triển so với các thành phần kinh tế khác.

3. Về Liên hiệp hợp tác xã

Tính đến nay tỉnh Cà Mau chưa thành lập được LH HTX, trong tình hình hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay việc thành lập LH HTX là yêu cầu cần thiết.

(Chi tiết tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2)

II. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KTTT THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Lĩnh vực nông nghiệp

- HTX nông nghiệp đã được tổ chức lại và thành lập mới theo Luật Hợp tác xã năm 2012, phân lớn tổ chức được dịch vụ đầu vào, đầu ra phục vụ thành viên, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm; có ý thức xây dựng nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa, liên kết được với doanh nghiệp, tìm được đầu ra tiêu thụ sản phẩm hàng hóa cho thành viên. Điển hình như: HTX DVNN Kênh Dớn, huyện Trần Văn Thời; HTX DV-NN-TS Ông Muộn, thành phố Cà Mau; HTX dịch vụ Lúa - Tôm Trí Lực, huyện Thới Bình...

- Đối với loại hình sản xuất kinh doanh chế biến hàng thủy sản: tập hợp thành viên chủ yếu là nông dân, có vốn điều lệ không lớn, nhưng sản phẩm cung cấp không chỉ tại địa phương mà còn xâm nhập vào thị trường các tỉnh khác. Điển hình như HTX G.V.H.B của biển Năm Căn; HTX bánh phồng tôm Hàng Vịnh; HTX Tài Thịnh Phát Farm, huyện Năm Căn; HTX Tân Phát Lợi, huyện Ngọc Hiển...

- Đối với loại hình nuôi trồng thủy sản: Hoạt động có hiệu quả và phát triển do sản phẩm làm ra có đăng ký nhãn hiệu, chất lượng đảm bảo có sức cạnh tranh khá mạnh trên thị trường trong và ngoài tỉnh, doanh thu và lợi nhuận bình quân của HTX cao, vừa thu hút lao động tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập ổn định cho lao động thành viên, điển hình như: HTX nuôi tôm năng suất cao Tân Hưng, huyện Cái Nước; HTX của giống Cái Trắng, huyện Năm Căn; HTX tôm giống Đồng Khởi, huyện Năm Căn...

2. Lĩnh vực phi nông nghiệp

- HTX xây dựng: tuy có chủ động, duy trì hoạt động, tạo việc làm, thu nhập cho thành viên; nhưng còn gặp nhiều khó khăn do không đủ năng lực cạnh tranh với các doanh nghiệp, ít nhận được các dự án đầu tư của Nhà nước; một số HTX tạm ngưng hoạt động do khả năng tài chính, trình độ kỹ thuật, máy móc trang thiết bị, tay nghề công nhân không đủ năng lực và sức cạnh tranh trong tham gia đấu thầu.

- HTX giao thông vận tải: chủ yếu là dịch vụ vận tải khách đường bộ bằng phương tiện xe buýt, taxi; đáp ứng tốt nhu cầu đi lại của người dân ngày càng tăng nên số lượng đầu xe vận tải hành khách ngày một nhiều, hoạt động tương đối ổn định, góp phần phát triển mạng lưới giao thông công cộng, tạo được nhiều việc làm cho thành viên. Điển hình như: HTX Taxi Đất Mũi; HTX Taxi Hưng Phát và HTX dịch vụ vận tải đường bộ Đồng Tiến...

- HTX công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: thành viên chủ yếu là những hộ ít tư liệu sản xuất, thiếu vốn, vào HTX để được hỗ trợ tạo việc làm ổn định, hoạt động theo ngành nghề truyền thống như: đan lát, hầm than, chế biến hàng nông lâm, thủy sản, hàng thủ công mỹ nghệ; dịch vụ tiêu thụ sản phẩm cho thành viên, tạo việc làm, thu nhập cho người lao động, điển hình như: HTX Hầm than 2/9, huyện Năm Căn.

- HTX thương mại, dịch vụ: các HTX kinh doanh hàng thủy hải sản, mua bán vật tư nông nghiệp, vật liệu xây dựng, kinh doanh xăng dầu tuy giá cả có biến động nhưng có thị trường ổn định nên hoạt động có hiệu quả, điển hình như: HTX TM-DV Tân Tiến, huyện Ngọc Hiển và HTX DV-TM-XD Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời.

- HTX vệ sinh môi trường: Hoạt động chủ yếu thu gom rác thải, mua sắm được phương tiện, thiết bị chuyên dùng, hoạt động có hiệu quả, tạo thêm nhiều việc làm cho thành viên. Điển hình như: HTX VSMT Hưng Thịnh, thành phố Cà Mau; HTX Tài Lợi, huyện Ngọc Hiển.

3. Quỹ tín dụng nhân dân

Trên địa bàn tỉnh hiện có 02 Quỹ tín dụng nhân dân đang hoạt động ổn định và hiệu quả (Quỹ TDND Thới Bình, huyện Thới Bình và Quỹ TDND Phường 2, thành phố Cà Mau); có hàng ngàn thành viên, vốn nhiều tỷ đồng; cơ sở vật chất tương đối khá, đội ngũ cán bộ có trình độ nghiệp vụ, chuyên môn được đào tạo bài bản, làm ăn có hiệu quả cao. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động vẫn gặp những khó khăn nhất định, môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt với các tổ chức tín dụng và giới hạn về địa bàn hoạt động.

III. CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ, ƯU ĐÃI

1. Giai đoạn 2011 - 2012

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng: tổ chức mở 07 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cán bộ quản lý HTX, có 480 lượt học viên tham dự; mở 13 lớp truyền nghề cho thành viên, người lao động và người dân có nhu cầu gồm các ngành nghề như: trồng lúa, chăn nuôi, kỹ thuật nuôi cá nước ngọt, kỹ thuật nuôi tôm quảng canh - công nghiệp, có trên 600 lượt người tham gia lớp học.

- Hoạt động hỗ trợ vốn: hỗ trợ kinh phí cho 55 HTX mới thành lập với số tiền hơn 230 triệu đồng, Quỹ hỗ trợ phát triển HTX đã giải quyết cho vay 37 dự án của các HTX và THT thành viên, với số tiền 3,69 tỷ đồng.

- Hoạt động hỗ trợ khoa học, công nghệ: hướng dẫn hỗ trợ cho HTX lĩnh vực nông nghiệp, áp dụng quy trình sản xuất lúa giống cấp xác nhận, áp dụng cơ giới hoá vào sản xuất. Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư tỉnh tổ chức được 3 cuộc hội thảo về nhân rộng mô hình nuôi tôm công nghiệp và nuôi tôm quảng canh cải tiến năng suất cao, có hơn 300 lượt người dự.

- Hoạt động xúc tiến thương mại: Sở Khoa học và Công nghệ hỗ trợ HTX đăng ký nhãn hiệu hàng hoá, tỉnh đã chọn một số sản phẩm đặc trưng của Cà Mau xây dựng thương hiệu như: mật ong U Minh, cá khô Bổi U Minh, tôm khô Rạch Gốc, cá khô khoai Cái Đồi Vàm...

2. Giai đoạn 2013 - 2020

- Chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực:

Hàng năm, thực hiện công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về KTTT cho đối tượng là cán bộ chủ chốt ở cơ sở, có 55 lớp với 4.764 lượt người tham gia;

mở 23 lớp cán bộ quản lý HTX, với 1.104 lượt người tham dự; mở 01 lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về KTTT cấp huyện và cấp tỉnh, với 41 lượt người tham dự; tổ chức 08 chuyến tham quan cho 324 lượt người tham gia.

Bên cạnh đó, thực hiện Quyết định số 1231/BNN-KTHT ngày 09/4/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Kế hoạch thí điểm mô hình đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở HTX nông nghiệp giai đoạn 2018 - 2020, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã triển khai đưa được 09 cán bộ trẻ có trình độ đại học, cao đẳng về làm việc tại 09 HTX, tổng kinh phí hỗ trợ 598,3 triệu đồng.

- Chính sách xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường:

Từ năm 2018, hàng năm bình quân hỗ trợ 10 HTX tham gia Hội chợ xúc tiến thương mại thường niên, với kinh phí hơn 200 triệu đồng/năm. Qua các chương trình kết nối giao thương và các hội chợ, đã giúp các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, HTX của tỉnh củng cố và mở rộng kết nối giao thương tìm được nhiều khách hàng, tăng lượng tiêu thụ và nâng cao giá trị hàng hóa. Đồng thời, một số doanh nghiệp các tỉnh, thành phố đã đến tham quan, khảo sát để hợp tác sản xuất và ký kết tiếp nhận một số hàng nông sản của Cà Mau đưa vào thị trường tiêu thụ trong cả nước.

Tuy nhiên, khó khăn lớn nhất hiện nay là phần lớn các mặt hàng nông sản do HTX sản xuất chưa đảm bảo quy mô về mặt số lượng và chưa được chứng nhận về mặt chất lượng, kể cả một số mặt hàng chủ lực của tỉnh như lúa gạo, tôm, cua..., thành viên HTX cũng như nông dân chưa thật sự có ý thức và quyết tâm áp dụng các quy trình sản xuất nông sản theo các tiêu chuẩn, chứng nhận trong nước, khu vực và quốc tế, chính điều này gây khó khăn trong việc tổ chức đưa hàng hóa tham gia hội chợ và xúc tiến thương mại, thương mại điện tử.

- Chính sách ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới:

Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học công nghệ tỉnh đã tổ chức được 42 lớp có 1.732 lượt người dự với kinh phí 1,7 tỷ đồng để tập huấn, hội thảo, hướng dẫn về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi; đồng thời, triển khai các mô hình sản xuất đạt hiệu quả kinh tế cao, cung cấp các loại phân bón, con giống, cây giống mới có năng suất, chất lượng cao. Thời gian qua đã có 25 HTX được tiếp nhận 49 máy công cụ chuyên dùng để sản xuất, trị giá 1,5 tỷ đồng; đã hỗ trợ công nhận nhãn hiệu tập thể cho 04 HTX (bòn bòn - Cái Nước, cá bời - U Minh, mật ong - U Minh, cá khô khoai - Cái Đoi Vàm...); hỗ trợ 09 máy suốt lúa (cho 03 HTX, 06 THT), 06 máy gặt đập liên hợp (cho 01 HTX và 05 THT), tổng kinh phí 646,6 triệu đồng.

Bên cạnh đó, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam đã hỗ trợ cho 02 HTX xây dựng chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh với tổng kinh phí là 467 triệu đồng (HTX DV-NN-TS Ông Muộn: 320 triệu đồng và HTX G.V.H.B của biển Năm Căn: 147 triệu đồng).

- Chính sách tiếp cận vốn và Quỹ hỗ trợ phát triển HTX:

Quỹ hỗ trợ phát triển HTX đi vào hoạt động từ cuối năm 2009, đến nay vốn điều lệ từ ngân sách tỉnh cấp là 15.500 triệu đồng; vốn từ thành viên đóng góp 330,5 triệu đồng. Hiện nay Quỹ đã hỗ trợ cho 86 dự án với tổng dư nợ là 13.926,5 triệu đồng (bình quân 161,9 triệu đồng/dự án). Qua 6 năm từ năm 2013 - 2019 đến nay đã giải ngân 314 lượt dự án/trên 49 tỷ đồng, bình quân 156,5 triệu đồng/dự án.

Trong điều kiện HTX khó tiếp cận được nguồn vốn từ các ngân hàng thương mại, nhiều HTX được vay từ Quỹ hỗ trợ phát triển HTX đã góp phần tháo gỡ khó khăn về vốn, giúp HTX duy trì, mở rộng sản xuất kinh doanh, tạo thêm việc làm và thu nhập cho hàng ngàn thành viên và người lao động trong HTX.

- Chính sách tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội:

Các cấp ủy, chính quyền và các ngành chức năng tạo điều kiện thuận lợi cho HTX, THT tham gia các chương trình phát triển kinh tế - xã hội nhất là các chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững; chương trình về tái cơ cấu nông nghiệp, tham gia vào chuỗi giá trị các sản phẩm chủ lực của tỉnh như: lúa, gạo; tôm, cua; phát triển kinh tế rừng, bảo vệ môi trường.

Có 13 HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất: 08 HTX ứng dụng công nghệ semi - biofloc vào nuôi tôm thẻ chân trắng theo hình thức siêu thâm canh, 04 HTX ứng dụng công nghệ nuôi tôm siêu thâm canh 02 giai đoạn và 01 HTX áp dụng tiêu chuẩn VietGAP trong sản xuất dưa hấu. Trong đó, HTX ứng dụng công nghệ vào nuôi tôm thẻ chân trắng theo hình thức siêu thâm canh ở mức độ thử nghiệm chưa thực hiện được theo quy mô lớn, diện tích nuôi tôm từ 36 - 52ha/HTX, thành viên tham gia từ 32 - 36 người, năng suất bình quân trên 22 tấn/vụ/ha, cá biệt đạt trên 50 tấn/vụ/ha..

- Chính sách thành lập mới HTX, LH HTX:

Trước năm 2013, mỗi năm ngân sách tỉnh hỗ trợ thành lập mới HTX khoảng 100 triệu đồng, hỗ trợ bình quân 5 triệu đồng/HTX (từ năm 2014 đến 2017 tỉnh không thực hiện chính sách này). Đến năm 2018, Thông tư số 340/2016/TT-BTC ngày 29/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính được ban hành, việc hỗ trợ thành lập mới được tiếp tục thực hiện và hàng năm tỉnh cấp bình quân khoảng 200 triệu đồng để hỗ trợ cho các HTX thành lập mới, bình quân mức hỗ trợ 7 triệu đồng/HTX.

Bên cạnh đó, các HTX đăng ký ngành nghề nuôi trồng thủy sản được miễn 100% thuế theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ và các loại thuế khác ưu đãi lệ phí đăng ký HTX theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng:

Thực hiện Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 28/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 21/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016 - 2020 và Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 26/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 461/QĐ-TTg ngày 27/4/2018 của Thủ tướng

Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển 15.000 HTX, LH HTX nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Theo đó, tỉnh đã hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng đối với 28 HTX với tổng kinh phí: 14,452 tỷ đồng (năm 2017 hỗ trợ xây dựng trụ sở 06 HTX với kinh phí 3,049 tỷ đồng; năm 2018 hỗ trợ xây dựng 07 nhà kho HTX với kinh phí 3,592 tỷ đồng; năm 2019 hỗ trợ xây dựng 03 nhà kho HTX với kinh phí 1,767 tỷ đồng; năm 2020 hỗ trợ xây dựng 12 công trình nhà kho, xưởng sơ chế với tổng kinh phí là 6,044 tỷ đồng).

- Chính sách giao đất, cho thuê đất:

Tỉnh đã giải quyết giao 28 ha đất sản xuất cho HTX sử dụng không thu tiền sử dụng đất; tổ chức hợp tác đầu tư hơn 520 ha đất rừng cho HTX trồng rừng; cho thuê 02 ha để sản xuất kinh doanh, cụ thể:

+ HTX Nghêu Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển được thuê 28 ha;

+ HTX 19/5, huyện U Minh được Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh Hạ giao sản xuất từ năm 1984 đến nay, với 520 ha đất rừng (Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh Hạ nhận 5% sau khai thác);

+ HTX Hương Biển, huyện Phú Tân thuê 02 ha làm sân phơi cá khô.

Chính sách giao đất, cho thuê đất đối với HTX còn nhiều khó khăn, vướng mắc; đa số các HTX trong tỉnh chưa được giao hoặc cho thuê đất để xây trụ sở giao dịch, nguyên nhân là do địa phương không còn quỹ đất công để giao hoặc cho thuê.

- Chính sách ưu đãi về tín dụng:

Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015) về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, nhưng khu vực KTTT nói chung, HTX nói riêng trong tỉnh hầu hết chưa vay được, cả về vay tín chấp và thế chấp.

Nguyên nhân chính do không có tài sản thế chấp, hoặc có (đất, trụ sở, máy móc) nhưng ngân hàng không chấp nhận, vì theo quy định của pháp luật HTX đó là loại tài sản không chia.

Bên cạnh đó, thực hiện Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ quy định một số chính sách phát triển thủy sản, tỉnh hỗ trợ cho 01 thành viên HTX vay vốn đóng tàu với tổng số tiền 15 tỷ đồng để tham gia đánh bắt xa bờ (HTX Khai thác, dịch vụ thủy sản Đoàn Kết, huyện Phú Tân - hiện nay HTX này đã giải thể).

- Chính sách hỗ trợ chế biến sản phẩm:

Năm 2019 tỉnh cấp kinh phí hỗ trợ 180 triệu đồng để thực hiện hỗ trợ tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm, bao bì nhãn hiệu hàng hóa sản phẩm tiêu biểu thuộc lĩnh vực KTTT, HTX. Đã chi hỗ trợ cho 07 HTX, với tổng kinh phí hỗ trợ gần 100 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 3)

IV. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Những kết quả đạt được của KTTT, HTX góp phần phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới ở địa phương

- Giai đoạn 2016 - 2020, KTTT với nòng cốt là HTX đã có sự chuyển biến tích cực cả chất và lượng, đóng góp quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới ở địa phương. Với sự nỗ lực vào cuộc của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, Luật Hợp tác xã năm 2012 đã và đang tiếp tục được triển khai sâu rộng đến các địa phương và người dân để hình thành và thúc đẩy phong trào HTX phát triển. Doanh thu bình quân của HTX và thu nhập của thành viên và người lao động được cải thiện, tác động tích cực đến kinh tế hộ gia đình.

- Cùng với sự gia tăng về số lượng HTX, người dân còn tham gia HTX trên tinh thần tự nguyện, cùng góp vốn, cùng chịu trách nhiệm về hoạt động của HTX. Nhiều HTX có phạm vi hoạt động toàn xã, số lượng các HTX áp dụng khoa học công nghệ mới vào sản xuất, kinh doanh, tham gia vào sản xuất nông nghiệp công nghệ cao ngày càng nhiều; đặc biệt các HTX nông nghiệp đã hoạt động gắn với các sản phẩm chủ lực của địa phương (OCOP), thực hiện liên kết chuỗi, nhiều HTX liên kết với các siêu thị, doanh nghiệp lớn để mở rộng thị trường.

Những kết quả trên cho thấy, KTTT, HTX đang phục hồi và phát triển đúng hướng, phù hợp với chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vừa khuyến khích kinh tế cộng đồng, thành viên HTX, vừa tôn trọng và nâng cao vị thế kinh tế hộ thành viên.

2. Tồn tại, hạn chế

- Mặc dù đã có những chuyển biến tích cực, song nhìn chung việc khắc phục những hạn chế, yếu kém của HTX vẫn còn chậm so với mục tiêu, yêu cầu đề ra. Tốc độ phát triển của khu vực KTTT còn chậm so với các khu vực kinh tế khác.

- Nhiều HTX vẫn ở trong tình trạng khó khăn, yếu kém kéo dài, năng lực nội tại của HTX còn yếu, cơ sở vật chất nghèo nàn, thiếu vốn. Số lượng thành viên tham gia ít (bình quân mỗi HTX có khoảng 20 thành viên); quy mô hoạt động nhỏ lẻ, trong một khu vực ấp, do đa số HTX hoạt động kém hiệu quả nên không thu hút được nhiều hộ nông dân bên ngoài vào HTX.

- Trình độ chuyên môn và năng lực cán bộ quản lý của các HTX còn nhiều hạn chế chưa đáp ứng được nhiệm vụ tổ chức các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay; khả năng mở rộng quy mô sản xuất, đa dạng hóa ngành nghề, tiếp cận với các chương trình, dự án cũng như các nguồn vốn tín dụng còn hạn chế nhất định; hoạt động của các HTX thiếu sự liên doanh, liên kết trong hệ thống với nhau cũng như với các thành phần kinh tế khác, nhất là việc ký kết hợp đồng bao tiêu hàng hóa nông sản cho các hộ thành viên.

- Ngoài ra, đối với HTX nông nghiệp còn có những điểm yếu chung là trong hoạt động chủ yếu dựa vào kinh nghiệm là chính nên chưa xây dựng được phương

án sản xuất, kinh doanh hợp lý; hoạt động kinh doanh, dịch vụ lợi nhuận thấp, không trích lập các quỹ, từ đó không có vốn tích lũy tái đầu tư cho sản xuất, mở rộng kinh doanh, dịch vụ; hầu hết HTX gần như không tiếp cận được nguồn vốn vay từ các ngân hàng và tổ chức tín dụng vì không có tài sản riêng để thế chấp cho các khoản vay; đa số các HTX không có trụ sở làm việc; hàng nông sản của HTX làm ra chưa đảm bảo chất lượng do việc áp dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp còn hạn chế, chưa xây dựng được nhiều nhãn hiệu hàng hóa, hầu hết sản phẩm không được đóng gói, bao bì...cho nên chưa đáp ứng yêu cầu của khách hàng cũng như người tiêu dùng, sức cạnh tranh trên thị trường thấp...

3. Nguyên nhân

- Sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng một số địa phương chưa thật sự sâu sát; vai trò quản lý nhà nước đối với KTTT của chính quyền các cấp thể hiện chưa rõ; một số sở, ban, ngành chức năng liên quan chưa thường xuyên quan tâm đến HTX, thậm chí còn buông lỏng.

- Bộ máy quản lý nhà nước về lĩnh vực KTTT các cấp thiếu tập trung và cán bộ chuyên trách cấp huyện có địa phương chưa bố trí, nếu có thì phụ trách kiêm nhiệm và cấp xã đa số là cán bộ kỹ thuật nông nghiệp kiêm nhiệm, cho nên ảnh hưởng phần nào trong quá trình tổ chức tuyên truyền, triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực này ở các địa phương.

- Phần nhiều các HTX có quy mô còn quá nhỏ, chất lượng hoạt động chưa thoát khỏi tình trạng yếu kém, thiếu sự liên kết, trình độ năng lực cán bộ quản lý điều hành, sản xuất kinh doanh còn yếu, khả năng tiếp nhận khoa học công nghệ còn hạn chế. Công tác kế toán và sổ sách ghi chép hạch toán trong các HTX còn yếu và thiếu công khai minh bạch; vốn điều lệ ít và thành viên góp không đủ; chế độ thông tin báo cáo của HTX, THT cho các ngành, các cấp không thường xuyên đầy đủ, kịp thời từ đó hạn chế rất lớn trong việc hỗ trợ, giúp đỡ cho HTX. Các HTX thiếu vốn để mở rộng sản xuất, kinh doanh do khó tiếp cận các gói tín dụng.

- Một số chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển KTTT của Nhà nước ban hành chưa đồng bộ nên khó thực hiện. Các chính sách và biện pháp hỗ trợ HTX chưa rõ ràng, nguồn lực thực hiện ít, phân tán nên chưa thực sự phát huy tác dụng, tạo điều kiện cho các HTX củng cố, phát triển. Sự hỗ trợ của các sở, ban, ngành và đoàn thể các cấp có thực hiện, nhưng chưa đủ hiệu quả, giúp HTX phát triển đúng hướng trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Phần III

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

- Phát triển KTTT phải dựa trên nội lực của tổ chức là chính, nhà nước hỗ trợ về mặt thể chế, cơ chế chính sách và một phần ngân sách nhằm tạo điều kiện cho KTTT phát triển.

- Huy động đồng bộ các chính sách hỗ trợ, nguồn lực hiện có của Nhà nước và xã hội để thực hiện Đề án, tạo sự đột phá cho các HTX về tổ chức và hiệu quả hoạt động; ứng dụng nhanh, hiệu quả các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến cho KTTT, HTX trong đó ưu tiên HTX nông nghiệp.

- Ưu tiên phát triển tổ chức KTTT gắn với chuỗi giá trị, tăng trưởng xanh, phát triển bền vững có tác động lớn với thành viên, cộng đồng.

- Khuyến khích phát triển KTTT, HTX bền vững với nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng; nhân rộng các mô hình kinh tế hợp tác hiệu quả, tạo điều kiện cho kinh tế hộ phát triển trên các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ; góp phần hình thành chuỗi giá trị từ sản xuất - chế biến - tiêu thụ, bảo đảm hài hòa lợi ích của chủ thể tham gia.

- Phát triển KTTT, HTX theo phương châm tích cực nhưng vững chắc, xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, đi từ thấp đến cao, đạt hiệu quả thiết thực, vì sự phát triển của sản xuất, tránh duy ý chí, nóng vội, gò ép, áp đặt; đồng thời không buông lỏng sự lãnh đạo, quản lý, nắm bắt kịp thời và đáp ứng nhu cầu về phát triển KTTT, HTX của nhân dân.

II. MỤC TIÊU ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu chung

Đẩy mạnh việc củng cố và phát triển các loại hình hợp tác trong các ngành, lĩnh vực kinh tế trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc, giá trị HTX và các quy định của pháp luật. Khuyến khích xây dựng mối liên kết giữa các HTX, THT với doanh nghiệp nhằm hỗ trợ nhau trong sản xuất, mở rộng quy mô, nhằm hạn chế rủi ro và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Nâng cao chất lượng hoạt động của KTTT, HTX theo tinh thần hợp tác trong cộng đồng dân cư, tạo thêm nhiều việc làm, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của các thành viên, góp phần xóa đói, giảm nghèo, đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Giai đoạn 2021 - 2025

- Mỗi năm thành lập mới khoảng 80 THT, từ 18 - 20 HTX (nâng tổng số đến năm 2025 có 1.411 THT, 300 HTX); mỗi huyện, thành phố xây dựng và hoàn thiện ít nhất 01 mô hình HTX điển hình tiên tiến để nhân rộng ra địa bàn toàn tỉnh.

- Phân đầu đến năm 2025: có từ 1 - 2 LH HTX; có 60% - 70% HTX, LH HTX hoạt động có hiệu quả (tốt, khá); cán bộ quản lý của HTX có 40% - 50% trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp; có 30% - 40% HTX ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp; có 25% HTX nông nghiệp liên kết sản xuất, kinh doanh theo mô hình liên kết chuỗi giá trị; có 25% HTX nông nghiệp được hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng (nhà xưởng, sân phơi, trụ sở làm việc...).

- Có khoảng 15% THT, HTX được củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động.

- Có khoảng 120 cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ đại học, cao đẳng trở lên; có 10% - 15% số HTX có lao động trẻ tốt nghiệp cao đẳng/đại học về làm việc có thời hạn tại các HTX nông nghiệp.

2.2. Giai đoạn 2026 - 2030

- Mỗi năm thành lập mới khoảng 100 THT, từ 20 HTX trở lên (nâng tổng số đến năm 2030 có 1.911 THT, 401 HTX); mỗi huyện, thành phố xây dựng và hoàn thiện ít nhất 02 mô hình HTX điển hình tiên tiến để nhân rộng ra địa bàn toàn tỉnh; Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX tỉnh hàng năm giải ngân vốn đạt từ 95% trở lên.

- Phân đầu đến năm 2030: thành lập thêm 01 LH HTX; có 70% - 80% HTX, 100% LH HTX hoạt động có hiệu quả (tốt, khá); cán bộ quản lý của HTX có trên 70% trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp; có trên 50% HTX ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp; có 30% HTX nông nghiệp liên kết sản xuất, kinh doanh theo mô hình liên kết chuỗi giá trị; có trên 35% HTX nông nghiệp được hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng (nhà xưởng, sân phơi, trụ sở làm việc...).

- Có khoảng 5% THT, HTX được củng cố, kiện toàn nâng chất lượng hoạt động.

- Có khoảng 200 cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ đại học, cao đẳng trở lên; có 20% HTX có lao động trẻ tốt nghiệp cao đẳng/đại học về làm việc có thời hạn tại các HTX nông nghiệp.

(Chi tiết tại Phụ lục 4 và Phụ lục 5)

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Nhiệm vụ trọng tâm

Tập trung nâng cao chất lượng hoạt động của các THT, HTX; tổ chức và hoạt động theo hướng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tổng hợp; mở rộng quy mô hoạt động nhằm thu hút nhiều thành viên tham gia THT, HTX. Có cơ chế thực hiện các chính sách hỗ trợ, ưu đãi thiết thực cho HTX về đào tạo, bồi dưỡng, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới, tiếp cận các nguồn vốn, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng.

1.1. Đối với HTX nông nghiệp

- Hỗ trợ HTX tổ chức và hoạt động nhiều khâu dịch vụ như dịch vụ đầu vào, đầu ra cho hàng hóa nông sản của hộ thành viên làm ra; tạo điều kiện cho HTX quảng bá sản phẩm, tiếp cận thị trường; đặc biệt là thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ HTX, chính sách hỗ trợ HTX xây dựng cơ sở hạ tầng (nhà xưởng, sân phơi, trụ sở làm việc...).

- Chọn HTX điển hình để xây dựng mô hình HTX điển hình tiên tiến làm cơ sở để nhân rộng, thúc đẩy khu vực KTTT, HTX phát triển trên phạm vi toàn tỉnh.

1.2. Đối với HTX phi nông nghiệp

Khuyến khích các HTX từng bước mở rộng quy mô và phạm vi hoạt động. Chú trọng đến các HTX tiêu thủ công nghiệp, sản xuất theo phương thức kết hợp giữa công nghệ truyền thống và hiện đại theo hướng vừa sản xuất tập trung, vừa phân tán nhằm tận dụng nguồn nguyên liệu và lao động tại chỗ. Gắn HTX với các chương trình khuyến công, dạy nghề nông thôn.

(Chi tiết tại Phụ lục 8)

2. Giải pháp thực hiện

2.1. Tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp Ủy đảng, chỉ đạo của chính quyền và sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền Luật Hợp tác xã năm 2012 và các văn bản có liên quan

- Tiếp tục quán triệt cho các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể quan điểm về định hướng phát triển KTTT theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT, Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX.

- Các cấp ủy, người đứng đầu các cấp, các ngành, đoàn thể, địa phương thấy được việc phát triển KTTT, HTX là xu thế tất yếu, là nội hàm của tái cơ cấu nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, là biện pháp quan trọng trong tổ chức lại sản xuất, trong khắc phục tình trạng nhỏ lẻ, manh mún hiện nay và coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên; đưa nội dung phát triển KTTT vào kế hoạch hàng năm; phải có chương trình, kế hoạch công tác cụ thể đối với nhiệm vụ chỉ đạo phát triển KTTT, HTX; thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, tổ chức hội thảo, hội thi về các mô hình HTX kiểu mới, mô hình liên kết chuỗi giá trị có hiệu quả, tổ chức sơ, tổng kết.

- Xây dựng nội dung tuyên truyền phù hợp cho từng đối tượng, với nhiều hình thức đa dạng, phong phú như: tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tổ chức cuộc thi tìm hiểu về HTX, mở các chuyên san, chuyên mục về phát triển KTTT, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong HTX trên các phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức triển lãm, hội chợ giới thiệu các sản phẩm của HTX, xây dựng các phim phóng sự, phim truyền hình về HTX, phát động phong trào thi đua trong các HTX.

- Tổ chức tôn vinh, khen thưởng, nhân rộng, tổng kết, kịp thời phổ biến các mô hình thí điểm, các điển hình tiên tiến các mô hình KTTT, HTX hoạt động hiệu quả, từng bước khẳng định KTTT, HTX là thành phần kinh tế quan trọng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

- Xem xét việc đưa nội dung phát triển KTTT, HTX vào giảng dạy trong hệ thống Trường Chính trị, các Trường Nghề trong tỉnh.

2.2. củng cố tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã

- Phân công nhiệm vụ cụ thể công tác quản lý nhà nước về KTTT, HTX của các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã.

- Bố trí cán bộ có kiến thức, kinh nghiệm và am hiểu về KTTT, HTX vào các vị trí quản lý nhà nước về KTTT, HTX. Tăng cường bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về KTTT, HTX cho cán bộ quản lý nhà nước; quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi nhằm phát triển các tổ chức, cơ sở đảng, đoàn thể trong tổ chức KTTT, HTX.

- Định kỳ, tổng kết phong trào HTX trên toàn tỉnh để đánh giá kết quả thực hiện công tác phát triển KTTT, HTX như: công tác tuyên truyền, quản lý nhà nước, hiệu quả các chính sách hỗ trợ, các khó khăn vướng mắc về chế độ, chính sách pháp luật.

- Phát huy vai trò và nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT, HTX các cấp; tăng cường mối liên hệ giữa Ban Chỉ đạo cấp tỉnh và cấp huyện để phát huy vai trò và hiệu quả chỉ đạo nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ được cấp thẩm quyền giao.

- Chỉ đạo, hướng dẫn xử lý đối với các trường hợp HTX không tổ chức hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012; giải thể các HTX không hoạt động nhưng vướng mắc về công nợ, vốn góp, không để các HTX tồn tại hình thức và các HTX hoạt động không đúng bản chất để lành mạnh hóa khu vực KTTT, HTX.

2.3. Đổi mới phương thức sản xuất, kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh, hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể, hợp tác xã

- Hướng dẫn tổ chức, củng cố lại hoạt động của các HTX theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012. Phát huy vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bảo vệ lợi ích của thành viên trong HTX; vận động thành viên HTX góp vốn và nâng mức vốn góp; vận động HTX thu hút thêm thành viên mới; quan tâm phát triển cả HTX nông nghiệp và phi nông nghiệp; tháo gỡ rào cản, quy định nhằm nâng cao khả năng huy động và tiếp cận nguồn lực cho các HTX.

- Tăng cường năng lực quản trị HTX theo hướng công khai, minh bạch thông qua các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước; củng cố bộ máy kế toán, kiểm toán; bồi dưỡng, nâng cao trình độ năng lực quản lý, kinh tế, thương mại, công nghệ cho thành viên, những người tham gia KTTT, HTX. Tạo điều kiện cho HTX tham gia thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Xây dựng mô hình HTX gắn với liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm sản phẩm chủ lực quốc gia, địa phương, sản phẩm OCOP; nhân rộng các mô hình hoạt động hiệu quả; nâng cao năng lực hoạt động của các HTX nông nghiệp sản xuất, chế biến và xuất khẩu nhằm tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho thành viên bảo đảm xây dựng nông thôn mới bền vững; đẩy mạnh công tác thi đua, khen thưởng để động viên khuyến khích các HTX.

- Xây dựng mô hình HTX điển hình tiên tiến nhân ra diện rộng: triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021 - 2025.

- Khuyến khích các tổ chức KTTT, HTX chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, từng bước thực hiện chuyển đổi số nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường và từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ, sản phẩm.

2.4. Về cơ chế, chính sách

Hỗ trợ thực hiện Đề án theo quy định tại Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã năm 2012; Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021 - 2025.

2.4.1. Thành lập mới, củng cố tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã

a) Đối tượng hỗ trợ

- HTX, LH HTX đang hoạt động, hoạt động kém hiệu quả hoặc có nhu cầu phát triển, mở rộng.

- HTX, LH HTX được thành lập từ việc hợp nhất, sáp nhập, chia, tách.

- Người dân có nhu cầu thành lập tổ chức KTTT.

b) Nội dung hỗ trợ

- Cung cấp thông tin, tư vấn, tập huấn, phổ biến quy định pháp luật về KTTT, HTX.

- Hỗ trợ, tư vấn xây dựng hoặc sửa đổi điều lệ; hướng dẫn và thực hiện các thủ tục sắp xếp, củng cố lại tổ chức, hoạt động của tổ chức KTTT, HTX cho phù hợp với các quy định hiện hành.

c) Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ: ngân sách địa phương bảo đảm 100%.

2.4.2. Nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực kinh tế tập thể

a) Đối tượng hỗ trợ

- Thành viên, người lao động đang làm công tác quản lý, chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ của các tổ chức KTTT.

- Công chức làm nhiệm vụ quản lý nhà nước về KTTT (bao gồm: công chức chuyên trách và công chức kiêm nhiệm).

- Công chức, viên chức của Liên minh Hợp tác xã, các hiệp hội, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội.

- Giảng viên về KTTT trong các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp.

b) Điều kiện hỗ trợ

- Được tổ chức KTTT, đơn vị chủ quản cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ với chuyên ngành phù hợp với vị trí công tác và nhu cầu của đơn vị; đủ điều kiện tuyển sinh của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng; có năng lực và trình độ phù hợp với khóa học.

- Đối với trường hợp cử đi đào tạo dài hạn: Ngoài việc đáp ứng các điều kiện trên, đối tượng được hỗ trợ phải dưới 50 tuổi và cam kết bằng văn bản làm việc trong khu vực KTTT ít nhất gấp đôi thời gian tham gia khóa đào tạo, chịu trách nhiệm bồi hoàn kinh phí đào tạo đối với Nhà nước trong trường hợp không thực hiện cam kết.

c) Nội dung hỗ trợ

- Đào tạo

+ Đối với thành viên, người lao động của tổ chức KTTT: học phí theo mức quy định của cơ sở đào tạo; kinh phí mua giáo trình của khóa học; chi phí ăn, ở.

+ Đối với công chức, viên chức của các cơ quan quản lý nhà nước về KTTT, Liên minh Hợp tác xã, các hiệp hội, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, giảng viên: cấp học bổng đào tạo, nghiên cứu dài hạn trong nước và nước ngoài về HTX và các chuyên ngành hỗ trợ trực tiếp cho công tác quản lý nhà nước về KTTT. Học bổng bao gồm: toàn bộ kinh phí đi lại, tài liệu, giáo trình, học phí, bảo hiểm, chi phí ăn ở và sinh hoạt theo quy định.

+ Xây dựng hệ thống đào tạo trực tuyến về KTTT, bao gồm: xây dựng khung, nội dung chương trình đào tạo trực tuyến; triển khai thực hiện đào tạo trực tuyến về KTTT; xây dựng, vận hành và duy trì trang thông tin điện tử về đào tạo trực tuyến.

- Bồi dưỡng

+ Đối với thành viên, người lao động của tổ chức KTTT: chi phí đi lại từ trụ sở đến cơ sở bồi dưỡng (trừ vé máy bay); kinh phí mua tài liệu của chương trình khóa học; các khoản chi phí tổ chức, quản lý lớp học; thuê hội trường; thù lao giảng viên; tham quan, khảo sát; chi phí ăn, ở theo định mức được áp dụng tương tự như đối với công chức nhà nước.

+ Đối với công chức, viên chức của các cơ quan quản lý nhà nước về KTTT, Liên minh Hợp tác xã, các hiệp hội, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, giảng viên: cấp học bổng bồi dưỡng ngắn hạn ở nước ngoài (bao gồm: toàn bộ kinh phí đi lại, tài liệu, giáo trình, học phí, bảo hiểm, chi phí ăn ở và sinh hoạt theo quy định của chế độ tài chính hiện hành) và tổ chức các khóa bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn trong nước.

- Hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại tổ chức KTTT: hỗ trợ lương cho người lao động tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học về làm việc tại các tổ chức KTTT.

d) Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ

- Đào tạo

+ Đối với thành viên, người lao động của tổ chức KTTT: ngân sách địa phương bảo đảm 100% kinh phí trả học phí, tài liệu học tập theo quy định của cơ sở đào tạo; hỗ trợ kinh phí ăn ở cho học viên ít nhất bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng.

+ Đối với công chức, viên chức các cơ quan quản lý nhà nước về KTTT, Liên minh Hợp tác xã, các hiệp hội, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, giảng viên: ngân sách trung ương bảo đảm 100% kinh phí.

- Bồi dưỡng

+ Đối với thành viên, người lao động tổ chức KTTT: ngân sách trung ương: bảo đảm 100% kinh phí đi lại, tổ chức lớp học và mua tài liệu học tập; hỗ trợ 100% chi phí ăn ở đối với các tổ chức KTTT nằm trong vùng đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật hiện hành; đối với các vùng khác: hỗ trợ 90% đối với các tổ chức KTTT hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, 80% đối với các tổ chức KTTT khác.

+ Đối với công chức, viên chức của các cơ quan quản lý nhà nước về KTTT, Liên minh Hợp tác xã, các hiệp hội, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, giảng viên: ngân sách trung ương bảo đảm 100% kinh phí.

- Đối với lao động trẻ về làm việc tại tổ chức KTTT: ngân sách địa phương hỗ trợ hàng tháng ít nhất bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng, tối đa 03 năm/người, tối đa 02 người/tổ chức KTTT/năm.

2.4.3. Xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu, tuyên truyền, hỗ trợ về kinh tế tập thể

a) Đối tượng hỗ trợ

- Các tổ chức KTTT hoạt động trên tất cả các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân.

- Cá nhân, tổ chức liên quan đến hình thành, tổ chức, quản lý và hoạt động của các tổ chức KTTT.

b) Nội dung hỗ trợ

- Xây dựng, vận hành và duy trì công thông tin điện tử (website) về KTTT, trong đó có: thông tin về thị trường, khoa học công nghệ; trao đổi - tư vấn pháp luật, chính sách; quan hệ thông tin với các nước, các tổ chức quốc tế liên quan; kết nối với các trang tin về đăng ký HTX, đào tạo trực tuyến, sàn giao dịch điện tử.

- Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về KTTT kết nối với hệ thống đăng ký kinh doanh, báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán (nếu có).

c) Nguồn kinh phí: ngân sách tỉnh bảo đảm 100% cho xây dựng và vận hành hệ thống.

2.4.4. Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường

a) Đối tượng hỗ trợ: các tổ chức KTTT, HTX hoạt động trên tất cả các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân.

b) Điều kiện hỗ trợ: tổ chức KTTT, HTX có sản phẩm gắn với chuỗi giá trị, thực hành sản xuất xanh, OCOP.

c) Nội dung hỗ trợ

- Kinh phí tham gia các hội chợ, triển lãm, diễn đàn trong và ngoài nước; chứng nhận chất lượng, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa, truy xuất nguồn gốc.

- Xây dựng một số điểm xúc tiến thương mại (bán và giới thiệu sản phẩm); hỗ trợ chi phí thuê địa điểm và vận hành một số điểm giới thiệu, bán sản phẩm cho các tổ chức KTTT tại các địa phương.

- Xây dựng và triển khai sàn giao dịch thương mại điện tử cho các tổ chức KTTT.

d) Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ

- Ngân sách địa phương hỗ trợ 100% kinh phí tham gia hội chợ, triển lãm trong nước; kinh phí thuê địa điểm và vận hành một số điểm giới thiệu, bán sản phẩm cho các tổ chức KTTT.

- Ngân sách trung ương hỗ trợ 100% kinh phí tham gia hội chợ, triển lãm tại nước ngoài; tổ chức diễn đàn KTTT; hỗ trợ HTX trong việc đăng ký chứng nhận chất lượng, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa; xây dựng và triển khai sàn giao dịch thương mại điện tử; xây dựng một số trung tâm xúc tiến thương mại của các tổ chức KTTT và kinh phí duy trì, vận hành trung tâm trong 03 năm đầu, các năm tiếp theo do các trung tâm tự chủ.

2.4.5. Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm

a) Đối tượng hỗ trợ: các HTX, LH HTX (gọi chung là HTX) hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư, diêm nghiệp.

b) Cơ chế đầu tư

- Điều kiện hỗ trợ

+ HTX căn cứ nhu cầu cần hỗ trợ đầu tư dự án xây dựng kết cấu hạ tầng hoặc chế biến sản phẩm có đơn đề nghị gửi UBND cấp huyện nơi HTX tổ chức sản xuất, kinh doanh.

+ Các địa phương căn cứ vào tình hình thực tế quy định số lượng thành viên cụ thể, ưu tiên các HTX có số lượng thành viên lớn, sản xuất theo cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị; HTX hoạt động trên các địa bàn đặc biệt khó khăn.

- Nội dung hỗ trợ

+ Xây dựng nhà kho, xưởng phân loại và đóng gói sản phẩm, xưởng sơ chế - chế biến và mua sắm trang thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng thành viên.

+ Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng trong lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp, diêm nghiệp (bao gồm: cống, trạm bơm, giếng, đường ống dẫn

nước, đập dâng, kênh, bể chứa nước, công trình trên kênh và bờ bao các loại, hệ thống cấp nước đầu mối phục vụ tưới tiết kiệm; đường trục chính giao thông nội đồng, đường ranh cản lửa, đường lâm nghiệp).

+ Xây dựng công trình kết cấu hạ tầng vùng nuôi trồng thủy, hải sản bao gồm: hệ thống cấp thoát nước đầu mối (ao, bể chứa, cống, kênh, đường ống cấp, tiêu nước, trạm bơm), đê bao, kè, đường giao thông, công trình xử lý nước thải chung đối với vùng nuôi trồng thủy sản; hệ thống phao tiêu, đèn báo ranh giới khu vực nuôi, hệ thống neo lồng bè; nâng cấp và phát triển lồng bè nuôi trồng hải sản tập trung của HTX nông nghiệp trên biển.

- Nguồn vốn và mức hỗ trợ

+ Nguồn vốn: ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, HTX và vốn hợp pháp khác.

+ Mức hỗ trợ

Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100%; căn cứ mức vốn ngân sách trung ương hỗ trợ, vốn đề xuất đối ứng của HTX, vốn từ các nguồn hợp pháp khác và tính chất của dự án/phương án tỉnh xem xét, quyết định mức hỗ trợ cho dự án/phương án từ nguồn ngân sách địa phương.

Đối với dự án có tính chất liên vùng, khu vực do các bộ, cơ quan trung ương quản lý: Ngân sách trung ương đầu tư tối đa 100% tổng mức đầu tư của dự án.

- Phương thức hỗ trợ: Nhà nước hỗ trợ cho HTX thông qua cấp chính quyền địa phương xây dựng, mua sắm, bàn giao cho HTX; trường hợp HTX có đủ năng lực, cấp có thẩm quyền xem xét giao cho HTX tự thực hiện dự án, mua sắm với tổng mức vốn dưới 03 tỷ đồng.

c) Cơ chế quản lý sau đầu tư

Hỗ trợ của Nhà nước là tài sản không chia của HTX, HTX tự trang trải chi phí cho vận hành, bảo dưỡng công trình sau khi công trình được đưa vào hoạt động; khi HTX giải thể thì phân giá trị tài sản được hình thành từ khoản hỗ trợ của Nhà nước được chuyển cho chính quyền địa phương nơi HTX đã tiến hành đăng ký thành lập quản lý.

2.4.6. Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

Áp dụng theo quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

2.5. Xây dựng mô hình HTX điển hình tiên tiến nhân ra diện rộng

Triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021 - 2025.

2.6. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã

- Cùng với các cơ quan quản lý nhà nước về KTTT, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và các địa phương triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX, Luật Hợp tác xã năm 2012 và các chính sách có liên quan về phát triển KTTT; đồng thời vận động các hội viên, thành viên tích cực tham gia HTX.

- Củng cố và phát triển tổ chức Đảng trong các HTX, LH HTX theo quy định của Đảng, trên cơ sở tôn trọng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của HTX, LH HTX.

- Phát huy vai trò và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc trong vận động, giáo dục quần chúng, thành viên tự nguyện tham gia và thực hiện các quy định pháp luật về KTTT, HTX.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Tỉnh Đoàn, Hội Cựu chiến binh và các tổ chức hội, hiệp hội khác trong việc phát triển KTTT, HTX; nghiên cứu, đề xuất các quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động và nội dung, phương thức hỗ trợ đối với hợp tác xã do hội viên làm chủ; bảo đảm các quy định phù hợp với tính chất, đặc điểm của hội viên mình nhằm tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho các hội viên tham gia thành lập HTX.

3. Dự toán kinh phí thực hiện

3.1. Kinh phí thực hiện giai đoạn 2021 - 2025

Tổng dự toán kinh phí 67.291 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 34.190 triệu đồng.
- Ngân sách tỉnh: 33.101 triệu đồng.

3.2. Kinh phí thực hiện giai đoạn 2026 - 2030

Tổng dự toán kinh phí 24.576 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 21.000 triệu đồng.
- Ngân sách tỉnh: 3.576 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 6 và Phụ lục 7)

3.3. Kinh phí thực hiện đề án từ các nguồn vốn

a) Vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương trong kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

b) Vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương trong kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 theo quy định tại Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày

14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14.

c) Kinh phí sự nghiệp giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

d) Kinh phí lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

đ) Kinh phí huy động hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

Phần IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA ĐỀ ÁN

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá kết quả triển khai thực hiện Đề án; tác động đối với đối tượng được hỗ trợ theo Đề án; đề xuất biện pháp cải thiện, nhân rộng trong triển khai thực hiện và sau khi Đề án kết thúc.

Thời gian thực hiện đánh giá, sau 02 năm triển khai và vào thời điểm kết thúc giai đoạn của Đề án.

II. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư (Thường trực Ban Chỉ đạo)

Là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Đề án; thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thực hiện.

2. Liên minh Hợp tác xã tỉnh

- Phát huy vai trò nòng cốt trong phát triển KTTT, HTX; đẩy mạnh và đổi mới phương thức tuyên truyền về chủ trương, chính sách pháp luật HTX, lợi ích của HTX mang lại cho các thành viên; tuyên truyền, bảo vệ quyền lợi, tư vấn, hỗ trợ phát triển KTTT, HTX; thực hiện các dịch vụ công về phát triển HTX.

- Tuyên truyền, vận động thành lập các LH HTX; nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách ưu đãi hỗ trợ đối với HTX, LH HTX.

- Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp cho Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX; nghiên cứu đề xuất đổi mới mô hình Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam để tăng khả năng huy động nguồn lực từ thị trường, liên kết và thống nhất về cơ chế hoạt động của hệ thống Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX từ Trung ương đến địa phương phù hợp với quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển HTX.

3. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan, đơn vị có liên quan

thẩm tra, tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí trên cơ sở nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ, khả năng cân đối của ngân sách địa phương và các nguồn lực hợp pháp khác để triển khai thực hiện hàng năm.

- Hướng dẫn các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện quy trình, thủ tục thanh quyết toán kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ của Đề án.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tập trung đầu tư từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; lồng ghép với các chương trình, đề án của trung ương và của tỉnh về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong khu vực HTX nông nghiệp.

- Khuyến khích các HTX nông nghiệp mở rộng hợp tác, liên kết giữa các HTX (sản phẩm, dịch vụ đầu ra của HTX này là sản phẩm, dịch vụ đầu vào cho HTX kia) để phát triển liên kết chuỗi, tăng chu trình sản xuất kinh doanh theo chuỗi giá trị giữa các HTX.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch/Đề án phát triển hợp tác xã nông nghiệp; xây dựng mô hình liên kết chuỗi giá trị cho các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP, trong đó HTX nông nghiệp (LH HTX nông nghiệp) làm nòng cốt; thực hiện các chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với các HTX hoạt động trên lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; phối hợp với các ngành liên quan, Liên minh Hợp tác xã tỉnh tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, thành viên HTX trong lĩnh vực nông nghiệp; giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề xuất giải quyết những khó khăn, vướng mắc của HTX trong lĩnh vực nông nghiệp.

5. Sở Công Thương

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về HTX trên lĩnh vực tiêu thụ công nghiệp, thương mại, dịch vụ. Hướng dẫn, hỗ trợ HTX đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm. Xây dựng mô hình HTX sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản, thực phẩm, các sản phẩm máy móc phục vụ nông nghiệp, các sản phẩm tiêu dùng thiết yếu phục vụ đời sống nhân dân.

- Chủ trì phối hợp với Liên minh Hợp tác xã, các sở, ngành liên quan tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ HTX trong lĩnh vực tiêu thụ công nghiệp, thương mại, dịch vụ.

- Triển khai thực hiện chương trình khuyến công đến các HTX hoạt động trong lĩnh vực có liên quan; tư vấn, hướng dẫn các HTX và phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh thực hiện các chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, giới thiệu và quảng bá sản phẩm.

- Phối hợp với các sở, ngành, địa phương giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề xuất giải quyết những khó khăn vướng mắc của HTX trong lĩnh vực tiêu thụ công nghiệp, thương mại, dịch vụ...

6. Sở Khoa học và Công nghệ

- Hỗ trợ triển khai công tác ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào thực tiễn sản xuất trong các loại hình HTX hoạt động có hiệu quả thông qua công tác tập huấn, triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ hàng năm từ các chương trình khoa học công nghệ đã được phê duyệt.

- Hỗ trợ công tác tư vấn, thẩm định và có ý kiến về công nghệ đối với các dự án đầu tư. Tư vấn đăng ký bảo hộ sở hữu công nghiệp cho các HTX, hỗ trợ HTX công bố hợp quy, xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, xây dựng mã số mã vạch, tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm; kiểm mẫu phân tích giám sát chất lượng sản phẩm; tư vấn thiết kế nhãn hàng hóa cho sản phẩm.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

- Thông tin tuyên truyền nội dung Nghị quyết số 134/NQ-CP của Chính phủ đến các tầng lớp nhân dân; định hướng các cơ quan báo chí, Cổng Thông tin điện tử mở các chuyên mục tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và quần chúng nhân dân chính sách, pháp luật của Nhà nước về KTTT, HTX.

- Phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh hỗ trợ và hướng dẫn các HTX xây dựng và triển khai cổng thông tin điện tử, đưa vào hoạt động để góp phần giới thiệu và quảng bá sản phẩm HTX.

- Hỗ trợ, tập huấn, hướng dẫn các HTX ứng dụng, sử dụng công nghệ thông tin trong hoạt động, nhất là các HTX nông nghiệp.

8. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn các địa phương lập phương án và thực hiện thủ tục thu hồi, bồi thường, giao đất, cho thuê đất đối với các HTX theo đúng quy định của pháp luật đất đai và các quy định có liên quan.

Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ HTX trong việc giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

9. Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về KTTT, HTX trong lĩnh vực ngành phụ trách.

Hàng năm chủ động xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế tập thể của ngành.

10. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động trong các HTX phi nông nghiệp từ nguồn kinh phí của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững được phân bổ hàng năm.

- Phối hợp với các sở, ngành, Liên minh Hợp tác xã tỉnh triển khai, tuyên truyền các quy định về pháp luật lao động, Luật An toàn vệ sinh lao động, công tác

đào tạo nghề. Hướng dẫn, tuyên truyền thực hiện việc tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đối với người lao động tại các HTX.

- Phối hợp với các sở, ngành có liên quan hướng dẫn, hỗ trợ, tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn của HTX trong lĩnh vực lao động, việc làm và dạy nghề.

11. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Cà Mau

Triển khai chính sách hỗ trợ HTX tiếp cận vốn theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ, Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ; hỗ trợ HTX tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng phục vụ sản xuất, kinh doanh.

Hướng dẫn các thủ tục cần thiết và tạo điều kiện ưu tiên để các HTX được vay vốn ưu đãi mở rộng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

12. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội

- Chỉ đạo các cấp hội, đoàn thể trực thuộc phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh tuyên truyền Luật Hợp tác xã năm 2012 và các chính sách có liên quan về phát triển KTTT, HTX; đồng thời vận động các hội viên, thành viên tích cực tham gia HTX.

- Tuyên truyền, vận động hội viên, nhân dân nắm rõ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về KTTT, HTX; thực hiện tốt chức năng giám sát việc thực hiện Luật Hợp tác xã năm 2012 và các chính sách phát triển KTTT, HTX.

13. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Hàng năm căn cứ nội dung Đề án này, phối hợp với các sở, ngành tỉnh có liên quan xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch cụ thể của địa phương.

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển KTTT; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tạo điều kiện cho HTX tham gia các chương trình đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới tại địa bàn; đưa các chỉ tiêu phát triển HTX vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm cho từng xã, phường, thị trấn nhằm tăng cường hơn nữa công tác quản lý chỉ đạo, điều hành của chính quyền địa phương đối với HTX.

- Báo cáo định kỳ 6 tháng (trước ngày 20 tháng 6) và hàng năm (trước ngày 20 tháng 12), gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./.

	Số LH HTX thành lập mới	LH HTX											
	Số LH HTX giải thể	LH HTX											
	Số LH HTX hoạt động hiệu quả	LH HTX											
2	Tổng số HTX thành viên	HTX											
3	Tổng số lao động trong LH HTX	Người											
4	Tổng vốn hoạt động của LH HTX	Tr.đồng											
5	Tổng giá trị tài sản LH HTX	Tr.đồng											
6	Doanh thu bình quân một LH HTX	Tr.đ/năm											
7	Lãi bình quân một LH HTX	Tr.đ/năm											
III	Tổ hợp tác (THT)												
1	Tổng số THT	THT	3.263	3.469	3.600	3.623	3.478	1.101	1.045	1.056	1.085	1.091	Giảm 66,6%
	<i>Trong đó:</i>												
	Số THT thành lập mới	THT	267	60	137	23	34	106	-	11	80	6	Giảm 97,8%
	Số THT có đăng ký thành lập	THT	722	940	1.700	1.723	1.734	1.101	1.045	1.036	-	-	-
2	Tổng số thành viên THT	Thành viên	79.590	79.985	80.000	80.506	80.305	15.762	15.762	15.778	15.638	15.524	Giảm 80,1%
3	Tổng số lao động trong THT	Người	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
4	Doanh thu bình quân một THT	Tr.đ/năm	120	170	220	250	250	300	300	300	330	350	Tăng 191,7%
5	Lãi bình quân một THT	Tr.đ/năm	35	45	50	62	62	70	70	70	120	150	Tăng 328,6%

Phụ lục 3
TỔNG HỢP CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ KINH TẾ TẬP THỂ GIAI ĐOẠN 2011-2020

STT	Nội dung chính sách	Đơn vị tính	Giai đoạn 2011- 2012		Kết quả thực hiện													
					Giai đoạn 2013 - 2014		Giai đoạn 2015 - 2019				Năm 2020							
			Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)		Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)		Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)				Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)			
				NS TW ¹	NS ĐP ²		NS TW	NSĐP		NSTW		NSĐP			NSTW		NSĐP	
							NTM ³	Khác	NTM	Khác		NTM	Khác	NTM	Khác			
	TỔNG																	
I	Chính sách hỗ trợ, ưu đãi chung đối với HTX																	
1	Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, thí điểm đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở HTX																	
1.1	Số người được cử đi đào tạo	Người		22.2		24.3	8.927				5.082	1.160				1.445		
1.2	Số người được tham gia bồi dưỡng	Người	766.4	344.9	501.9	616	1.038				2941.924	910				1.640		
1.3	Thí điểm số cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở hợp tác xã	Người					14		384.8			15		606.43				
	Số HTX được hỗ trợ thí điểm	HTX					7	384,8				7	294,4					

¹ Ngân sách Trung ương

² Ngân sách địa phương

³ Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới

Phụ lục 4
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ GIAI ĐOẠN 2021-2030

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm										Tốc độ tăng/giảm giai đoạn 2021-2030
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	
I	Hợp tác xã (HTX)												
1	Tỷ trọng đóng góp vào GDP	%											
2	Tổng số HTX	HTX	238	248	260	280	300	320	340	360	380	400	Tăng 68,5%
	<i>Trong đó:</i>												
	Số HTX thành lập mới	HTX	20	10	12	20	20	20	20	20	20	20	
	Số HTX giải thể	HTX	10	10	7	0	0	0	0	0	0	0	
	Số HTX hoạt động hiệu quả	HTX	115	125	135	145	150	155	160	165	170	175	Tăng 52,2%
	Số HTX thành lập doanh nghiệp	HTX	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
3	Tổng số thành viên HTX	Thành viên	4.066	4.136	4.227	4.367	4.507	4.647	4.787	4.927	5.067	5.207	Tăng 28,3%
	<i>Trong đó:</i>												
	Số thành viên mới	Thành viên	328	70	91	140	140	140	140	140	140	140	
	Số thành viên là cá nhân	Thành viên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Số thành viên là đại diện hộ gia đình	Thành viên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Số thành viên là pháp nhân	Thành viên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
4	Tổng số lao động thường xuyên trong HTX	Người	4.339	4.409	4.500	4.640	4.780	4.920	5.060	5.200	5.340	5.480	Tăng 26,3%

Phụ lục 6
BẢNG DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Giai đoạn 2021 - 2025	Phân kỳ 2021 - 2025					Nguồn kinh phí thực hiện			Đơn vị thực hiện (Chủ đầu tư)	Giai đoạn 2026 - 2030		
			2021	2022	2023	2024	2025	NS Trung ương	NS Tỉnh	Khác		NS Trung ương	NS Tỉnh	Khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Tổng cộng		67.291	4.039	22.869	15.840	13.610	9.433	34.190	32.101			21.000	3.576	
I	Hỗ trợ thành lập mới, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ HTX	195	39	39	39	39			195		Liên minh Hợp tác xã		195	
II	Hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại HTX	3.381		1.127	1.127	1.127			3.381		Liên minh Hợp tác xã		3.381	
III	Thực hiện kế hoạch liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (Nghị định số 98/2018/NĐ-CP)	42.215		17.703	10.674	8.444	5.394	13.690	28.525		Sở Nông nghiệp và PTNT			
IV	Đầu tư kết cấu hạ tầng (xây dựng nhà kho, sân phơi,...)	20.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	20.000			Sở Nông nghiệp và PTNT	20.000		
V	Hỗ trợ 01 bộ máy vi tính	500		100	100	100	200	500			Liên minh Hợp tác xã	1.000		
VI	Hiện đại hóa công nghệ thông tin để cung ứng dịch vụ cho thành viên, xây dựng ngân hàng dữ liệu về KTTT, HTX và các hoạt động của hệ thống LMHTX Việt Nam	1.000		200	200	300	300		1.000		Liên minh Hợp tác xã			

Phụ lục 7
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN

STT	Tên công trình/dự án	Địa điểm thực hiện	Tổng vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả hoàn thành		Ghi chú (Căn cứ đề xuất)
				Trung ương	Địa phương				Hàng năm	Toàn bộ	
1	Công trình kết cấu hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản, hải sản (ao, bể chứa, cửa hàng)	Huyện Trần Văn Thời	800	800		Sở NN&PTNT	Các đơn vị có liên quan	2021-2025			
2	Sân phơi, nhà kho, cửa hàng vật tư nông nghiệp	Huyện U Minh	800	800		"	"	2021-2025			
3	Xây dựng xưởng chế biến các sản phẩm nguyên liệu từ tôm và bánh phồng tôm	Huyện Năm Căn	800	800		"	"	2021-2025			
4	Xây dựng Kho vật tư nông nghiệp	Huyện Phú Tân	800	800		"	"	2021-2025			
5	Xây dựng Nhà kho dự trữ lúa gạo	Huyện Thới Bình	800	800		"	"	2021-2025			
6	Xây dựng Nhà kho dự trữ lúa gạo	Huyện Trần Văn Thời	800	800		"	"	2022			
7	Xây dựng nhà xưởng chế biến sản phẩm	Huyện Đầm Dơi	800	800		"	"	2022			
8	Xây dựng nhà kho dự trữ lúa gạo	Huyện Thới Bình	800	800		"	"	2022			
9	Xây dựng nhà xưởng chế biến đóng gói	Huyện Ngọc Hiển	800	800		"	"	2022			
10	Xây dựng nhà kho	Huyện Trần Văn Thời	800	800		"	"	2022			
11	Xây dựng nhà kho, cửa hàng	Huyện Phú Tân	800	800		"	"	2023			
12	Xây dựng Nhà kho, cửa hàng	Huyện Trần Văn Thời	800	800		"	"	2023			
13	Xây dựng nhà kho, cửa hàng vật tư nông nghiệp	Huyện U Minh	800	800		"	"	2023			
14	Hệ thống phao tiêu, đèn báo ranh giới khu vực nuôi	Huyện Ngọc Hiển	800	800		"	"	2023			

15	Xây dựng nhà xưởng phân loại đóng gói sản phẩm	Huyện Ngọc Hiến	800	800		"	"	2023			
16	Xây dựng Nhà kho, cửa hàng vật tư nông nghiệp	Huyện Trần Văn Thời	800	800		"	"	2024			
17	Xây dựng Nhà kho, cửa hàng vật tư nông nghiệp	Huyện Thới Bình	800	800		"	"	2024			
18	Xây dựng Nhà kho, cửa hàng vật tư nông nghiệp	Huyện Trần Văn Thời	800	800		"	"	2024			
19	Xây dựng nhà xưởng chế biến sản phẩm	Huyện Đầm Dơi	800	800		"	"	2024			
20	Xây dựng Nhà kho, cửa hàng vật tư nông nghiệp	Huyện Trần Văn Thời	800	800		"	"	2024			
21	Xây dựng Nhà kho, cửa hàng vật tư nông nghiệp	Huyện Trần Văn Thời	800	800		"	"	2025			
22	Xây dựng nhà xưởng chế biến sản phẩm	Huyện Đầm Dơi	800	800		"	"	2025			
23	Xây dựng nhà xưởng chế biến sản phẩm	Huyện Đầm Dơi	800	800		"	"	2025			
24	Xây dựng nhà kho, cửa hàng vật tư nông nghiệp	Huyện Thới Bình	800	800		"	"	2025			
25	Xây dựng Kho vật tư nông nghiệp	Huyện Phú Tân	800	800		"	"	2025			
26	Hỗ trợ 01 bộ máy vi tính	Cho các HTX trên địa bàn xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao	1.500	1.500		Liên minh Hợp tác xã	Các đơn vị có liên quan	2022-2030	2022-2030	2022-2030	Gđ 2022-2025: 500 trđ, gđ 2026-2030: 1.000 trđ
27	Hiện đại hóa công nghệ thông tin để cung ứng dịch vụ cho thành viên, xây dựng ngân hàng dữ liệu về KTTT, HTX và các hoạt động của hệ thống LMHTX Việt Nam	Liên minh Hợp tác xã và các HTX trên địa bàn tỉnh	1.000		1.000	"	Các cơ quan đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ	2022-2025	2022-2025	2025	Chương trình 03, NQ Đại hội đại biểu toàn quốc Liên minh HTX Việt Nam lần thứ VI nhiệm kỳ 2020-2025 ngày 22/12/2020
Tổng			22.500	21.500	1.000						

Phụ lục 8
NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM ƯU TIÊN THỰC HIỆN

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả hoàn thành		Ghi chú
					Hàng năm	Toàn bộ	
1	Tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp Ủy đảng, chỉ đạo của chính quyền và sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền Luật HTX năm 2012 và các văn bản có liên quan						
1.1	Quán triệt quan điểm về định hướng phát triển KTTT theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT, Kết luận số 70-KL/TW ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX cho các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân.	Người đứng đầu các cấp Ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội	Tổ chức, cá nhân liên quan	Thường xuyên	Hàng năm	Kết thúc Đề án	
1.2	Thông tin tuyên truyền nội dung Nghị quyết số 134/NQ-CP đến các tầng lớp nhân dân; định hướng các cơ quan báo chí, Cổng Thông tin điện tử mở các chuyên mục tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và quần chúng nhân dân chính sách, pháp luật của Nhà nước về kinh tế tập thể.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Thường xuyên	Hàng năm	Kết thúc Đề án	
2	Củng cố tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã						
2.1	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012 và văn bản pháp luật có liên quan; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp có thẩm quyền đề nghị xây dựng Nghị quyết về chính sách phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh, đảm bảo đồng bộ với các chính sách của Trung ương và trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	2021-2022		Năm 2022: hoàn thành Nghị quyết về chính sách phát triển kinh tế tập thể	

2.2	Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch/Đề án phát triển hợp tác xã nông nghiệp; xây dựng mô hình liên kết chuỗi giá trị cho các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP mà trong đó hợp tác xã nông nghiệp (Liên hiệp Hợp tác xã nông nghiệp) làm nòng cốt	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2021-2022			
2.3	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các chính sách ưu đãi về thuế cho hợp tác xã để tạo điều kiện hỗ trợ hợp tác xã phát triển.	Cục Thuế	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2021-2022			
2.4	Triển khai chính sách hỗ trợ hợp tác xã tiếp cận vốn theo quy định tại Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ; hỗ trợ hợp tác xã tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng phục vụ sản xuất, kinh doanh.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Cà Mau	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Thường xuyên	Hàng năm	Kết thúc Đề án	
2.5	Hỗ trợ các hợp tác xã hoạt động có hiệu quả, triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào sản xuất và đời sống	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Hàng năm	Hàng năm	Kết thúc Đề án	
2.6	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ hợp tác xã trong việc giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2021-2022			
2.7	Xây dựng chương trình đào tạo nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu nhân lực phục vụ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2021-2022			
2.8	Tăng cường kiểm tra, thanh tra tình hình thực hiện pháp luật của hợp tác xã; hỗ trợ, hướng dẫn để tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho hợp tác xã hoạt động.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Thường xuyên	Hàng năm	Kết thúc Đề án	
2.9	Tổ chức bồi dưỡng đội ngũ công chức làm công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã.	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Thường xuyên	Hàng năm	Kết thúc Đề án	
3	Tăng cường năng lực quản trị, đổi mới phương thức sản xuất, kinh doanh, tiếp tục thành lập, phát triển thêm các hợp tác xã, tổ hợp tác; nâng cao vai trò chủ thể của các thành viên tham gia						
3.1	Hướng dẫn tổ chức, củng cố lại hoạt động của các hợp tác xã theo đúng bản chất của Luật Hợp tác xã năm 2012; phát triển mới HTX, LH HTX.	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Thường xuyên	Hàng năm	Kết thúc Đề án	

3.2	Bố trí kinh phí để thực hiện các sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã theo kế hoạch được duyệt.	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Thường xuyên	Hàng năm	Kết thúc Đề án	
3.3	Chỉ đạo, hướng dẫn xử lý các hợp tác xã không hoạt động, chưa giải thể do vướng mắc về công nợ, vốn góp.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Thường xuyên	Hàng năm	Kết thúc Đề án	
3.4	Xây dựng và tổng kết mô hình hợp tác xã hoạt động hiệu quả, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị; kịp thời nhân rộng các mô hình hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	2021-2022			
3.5	Kết nối trong chuỗi giá trị sản phẩm, kết nối thị trường đối với HTX và doanh nghiệp.	Hiệp Hội Doanh nghiệp tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Thường xuyên	Hàng năm	Kết thúc Đề án	
4	Củng cố, đổi mới tổ chức và hoạt động của Liên minh Hợp tác xã tỉnh						
4.1	Phát huy vai trò nòng cốt trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp cho Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã.	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Thường xuyên	Hàng năm	Kết thúc Đề án	
4.2	Đề xuất đổi mới mô hình Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX phù hợp với quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển HTX.	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	2021-2022			
5	Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã						
5.1	Tuyên truyền, vận động hội viên, nhân dân nắm rõ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về kinh tế tập thể; thực hiện tốt chức năng giám sát việc thực hiện Luật Hợp tác xã năm 2012 và các chính sách phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.	Mặt trận Tổ quốc tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Thường xuyên	Hàng năm	Kết thúc Đề án	